

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Mẫu giáo (3 - 6 tuổi)
Số trẻ: 124

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Bún gà lá é, bắp mỹ, hành tây, nấm đông cô tươi, hành lá, ngô rí, hành phi
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Thịt ba chỉ kho quẹt, nước dứa, hành lá, tiêu xay
- Canh khoai mỡ nấu tôm tươi, húng quế, ngò gai
- Cải thảo luộc
Xế: Sữa chua
Xế chiều: Cháo hào, khoai tây, rau ngót, nấm rơm, hạt sen, bí đỏ, hành lá, ngò rí

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	1,700	3,140	53,380
2	0494	Đường cát	1,200	3,880	46,560
3	0522	Nước mắm cá (loại đặc biệt)	1,000	6,160	61,600
4	0523	Nước mắm loại I	800	4,400	35,200
5	N0966	Muối Iot	800	740	5,920
6	0004	Gạo tẻ máy	9,500	2,560	243,200
7	0120	Hành lá (hành hoa)	450	8,400	37,800
8	0164	Rau mùi (ngò rí)	350	8,930	31,255
9	0119	Hành tím (hành củ tươi)	200	6,300	12,600
10	0185	Tỏi ta	200	7,460	14,920
11	0653	Bún khô	2,000	4,950	99,000
12	0007	Ngô bắp tươi	700	4,200	29,400
13	0121	Hành tây	400	3,570	14,280
14	N0846	Rau é (húng quế trắng)	200	12,920	25,840
15	0209	Nấm hương tươi (nấm đông cô)	200	27,300	54,600
16	N0772	Thịt ức gà	1,900	12,920	245,480
17	0537	Nước dứa non tươi	2,500	3,890	97,250
18	0300	Thịt ba chỉ (nửa nạc, nửa mỡ)	2,200	21,110	464,420
19	N0770	Thịt nạc dăm	1,900	17,850	339,150
20	0751	Khoai mỡ	4,000	5,040	201,600
21	0165	Rau mùi tàu (ngò gai)	150	6,510	9,765
22	0424	Tôm sú	1,600	30,980	495,680
23	0191	Cải thảo	1,100	6,510	71,610
24	0085	Bí đỏ (bí ngô)	600	4,520	27,120

25	0122	Hạt sen tươi	150	39,270	58,905
26	0037	Khoai tây	500	3,990	19,950
27	0211	Nấm rơm	400	14,180	56,720
28	0168	Rau ngót	400	6,300	25,200
29	0729	Hàu	2,500	21,110	527,750
30	0457	Sữa bột toàn phần	2,731.54	20,500	559,966
31	0455	Sữa chua	6,200	9,440	585,280
32	0002	Gạo nếp (loại thường)	1,200	3,050	36,600
Tổng cộng					4,588,001

Tổng tiền thực phẩm	4,588,001
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	4,588,000
Số dư đầu ngày	0
Số dư cuối ngày	-1
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	95,608,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	95,608,000

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan